

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HẢI LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

Hải Long, ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động của các hình thức Tổ chức sản xuất trên địa bàn xã Hải Long năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG CỦA XÃ:

Hải Long là xã thuộc vùng trung du miền núi của huyện Như Thanh, cách trung tâm huyện lỵ 1,5 km và cách trung tâm tỉnh 37 km về phía Tây Nam. Xã có vị trí tiếp giáp như sau: Phía bắc giáp xã Xuân Khang; Phía Nam giáp Thị trấn Bến Sung; Phía tây giáp xã Xuân Khang và xã Tân Bình của huyện Như Xuân; Phía đông giáp Phú Nhuận và xã Mậu Lâm. Toàn xã có 9 thôn với tổng diện tích đất tự nhiên là 1913.04 ha, trong đó:

* Nhóm đất nông nghiệp: 1 530,16 ha, chiếm 80% diện tích đất tự nhiên:

- Đất sản xuất nông nghiệp: 442,03 ha, chiếm 28,9 % diện tích nhóm đất nông nghiệp và chiếm 23,1 % diện tích tự nhiên toàn xã.

+ Đất sản xuất nông nghiệp của xã 358.89 ha, cụ thể: (Đất lúa 67ha; đất trồng cây hàng năm khác 291.89ha).

+ Đất trồng cây lâu năm 83.14ha,

- Đất lâm nghiệp 1 083,19 ha, chiếm 56, 6 % diện tích tự nhiên.

- Đất nuôi trồng thủy sản 4.94 ha, chiếm 0,3 % diện tích nhóm đất nông nghiệp và chiếm 0.25 % diện tích tự nhiên toàn xã.

* Nhóm đất phi nông nghiệp: 364.20 ha, chiếm 19 % diện tích tự nhiên.

* Nhóm đất chưa sử dụng: 18,68 ha, chiếm 0.98 % diện tích tự nhiên.

Dân số hiện nay của xã là 4146 nhân khẩu, là xã thuần túy về nông nghiệp. Xã không có chợ, nguồn thu chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, ngành nghề dịch vụ và lao động đi làm ăn xa.

Cơ cấu lao động trên từng lĩnh vực như sau; Dịch vụ công nghiệp và ngành nghề bằng 69 %, lao động nông nghiệp bằng 31%.

Là xã thuần nông người dân Hải Long có truyền thống cách mạng trong kháng chiến đóng góp nhiều sức người, sức của cho tiền tuyến, thực hiện thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người, trong lao động sản xuất cần cù, năng động, sáng tạo giám nghĩ, giám làm, giám chịu trách nhiệm.

Những năm gần đây thực hiện chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, nền kinh tế thị trường, hội nhập với kinh tế thế giới.

Cấp ủy chính quyền địa phương đã có nhiều chủ trương, giải pháp và cách làm mới như: Phát huy tiềm năng, lợi thế xã vùng màu, sớm có cơ chế tích tụ đất đai, dồn điền đổi thửa, chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, tăng ngành nghề dịch vụ và doanh nghiệp, chủ động tìm kiếm thị trường, tập trung sản xuất hàng hóa nông nghiệp quy mô lớn có thị trường đầu ra ổn định, đây là động lực thúc đẩy sản xuất phát triển, đồng thời được nhân dân đồng tình hưởng ứng tạo sức đột phá trong sản xuất nông nghiệp, góp phần nâng cao giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích canh tác và tăng thu nhập cho các hộ nông dân, đảm bảo an sinh xã hội, hộ nghèo đến nay còn 2.85%.

** Những thuận lợi và khó khăn trong công tác lãnh, chỉ đạo xây dựng NTM nâng cao:*

- Những thuận lợi: Tăng cường công tác lãnh đạo một cách toàn diện tất cả các lĩnh vực, trong đó tiếp tục tập trung cao phát triển sản xuất theo hướng coi trọng giá trị gia tăng, phát triển bền vững; nâng cấp kết cấu hạ tầng; đào tạo nghề cho lao động nông thôn; nâng cao chất lượng hoạt động các lĩnh vực về văn hóa, xã hội, an ninh trật tự xã hội. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các cơ chế, chính sách trong xây dựng nông thôn mới; phát huy dân chủ trong nhân dân và tính sáng tạo hiệu quả trong công việc; huy động mọi nguồn lực đáp ứng thực hiện hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Tập trung chỉ đạo sâu sát từ xã đến thôn, Cả hệ thống chính trị của xã từ Ban chỉ đạo xã đến ban phát triển thôn và các ngành cùng vào cuộc. Tiếp tục thực hiện tốt trách nhiệm của các đồng chí trong Ban chỉ đạo được phân công chỉ đạo tại các thôn.

- Những khó khăn: Một số cấp ủy thôn và cán bộ Đảng viên chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, ý nghĩa, nội dung của chương trình xây dựng nông thôn mới; thiếu chủ động, sáng tạo trong quá trình tổ chức thực hiện; vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại cấp trên, nhất là trong bố trí nguồn lực cho chương trình.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

** Về phát triển ngành trồng trọt:* Là nhiệm vụ trọng tâm nên ban chỉ đạo đã bám sát Nghị quyết của Đảng, chính quyền bằng việc chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu mùa vụ, đưa các loại cây trồng hàng hóa có giá trị kinh tế cao vào sản xuất, cơ giới hóa gắn với thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, trên cơ sở thực hiện đổi điền dồn thửa (hoàn thành năm 2013) đã tạo ra sức sản xuất lớn đến nay trên địa bàn toàn xã mỗi hộ chỉ còn từ 1-2 mảnh ruộng, chuyển đổi những diện tích đất 2 vụ lúa sang đất 4 vụ sản xuất cây hàng hóa cho thu nhập gấp 4-5 lần trồng lúa, năm 2011 chưa có quy hoạch vùng sản xuất cây hàng hóa và khái niệm sản xuất cây hàng hóa chưa rõ ràng. Đến nay xã đã quy hoạch được các vùng sản xuất lúa,

ngô dày làm thức ăn bò sữa, ngô thương phẩm, cây bưởi da xanh, bưởi diễm, cây keo... với tổng diện tích 824 ha (Trong đó: Cây keo 650ha, tăng so với năm 2016 là 120 ha từ đất trước đất trồng mía nguyên liệu; Cây ngô thương phẩm 25.31ha, tăng so với năm 2016 là 17.31ha từ đất trồng mía nguyên liệu; Cây ngô thức ăn cho bò, dê 65.23 ha, tăng so với năm 2016 là 45.23ha từ đất trồng mía nguyên liệu và chuyển đổi từ đất lúa hiệu quả; Khoai lang 12.9ha, tăng so với năm 2016 là 11.6ha từ đất trồng mía nguyên liệu; Rau màu các loại 66.48ha, tăng so với năm 2016 là 10ha Cây ăn quả 29.2ha, tăng so với năm 2016 là 4.2ha) đã tạo ra sản phẩm hàng hóa lớn, nâng cao giá trị trên đơn vị diện tích. Bên cạnh đó HTX DV NLN tăng cường liên kết, liên doanh với các công ty tiêu thụ sản phẩm hàng hóa cho nhân dân như: Cây keo, cây bưởi, cây ngô dày làm thức ăn cho bò sữa... Kết quả đạt được hàng năm từ 4.000 - 4.500 tấn sản phẩm cây hàng hóa.

Trong những năm qua xã đã liên kết với các công ty bao tiêu sản phẩm các loại cây trồng hàng hóa cho nông dân như: Công ty TNHH lâm sản Đại Phát, Trang trại bò sữa Như Thanh, Thanh Hóa...

Thu nhập bình quân 1 ha canh tác: năm 2019 đạt 106 triệu đồng/ha/năm, ước tính năm 2020 đạt 200 triệu đồng/ha/năm và nhiều diện tích đạt từ 350 - 400 triệu đồng/ha/năm.

Giá trị thu nhập từ ngành trồng trọt trên toàn xã năm 2019 đạt 34 tỷ đồng, ước tính năm 2020 đạt 35.9 tỷ đồng, so với năm 2016 (31.35 tỷ đồng) tăng 4.55 tỷ đồng.

* *Về phát triển chăn nuôi:* Hiện nay toàn xã có 151 hộ gia trại chăn nuôi, trong đó có: 02 gia trại chăn nuôi gà với quy mô nhỏ (01 hộ 3500 con và 01 hộ nuôi 1500 con) còn lại chủ yếu là chăn nuôi từ 10 con đến dưới 500 con, các hộ chăn nuôi các loại gia súc là lợn từ 02 con đến dưới 30 con/hộ, trâu bò từ 1 con đến 6 con/hộ. Cụ thể: Đàn trâu, bò: 310 con, đàn lợn: 223 con đàn chó, mèo: 400 con, đàn gia cầm 6200 con.

Tổng giá trị thu nhập từ chăn nuôi năm 2019 đạt 12.9 tỷ đồng, ước tính năm 2020 đạt 13.81 tỷ đồng

* *Phát triển nuôi trồng thủy sản:* Hải Long là xã miền núi vì vậy diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn rất ít, toàn xã chỉ có 4.94 ha, Tổng giá trị thu nhập năm 2020 đạt 1 038 triệu đồng. Thủy sản tiêu thụ trên địa bàn chủ yếu từ nguồn đánh bắt từ Hồ Sông Mực với đặc sản cá Trắm ố, cá mè...

* *Phát triển sản xuất lâm nghiệp:* Trên địa bàn xã Hải Long có diện tích đất lâm nghiệp là 1 083,19 ha, chiếm 56, 6 % diện tích tự nhiên. Trong đó: Đất rừng đặc dụng do Vườn Quốc gia Bến En quản lý là 223.3 ha; Đất rừng sản xuất là 859.89 ha (*diện tích trồng cây keo là 650 ha*).

Tổng giá trị thu nhập từ sản xuất lâm nghiệp năm 2019 đạt 13.4 tỷ đồng, ước tính năm 2020 đạt 14.8 tỷ đồng.

Trong những năm qua xã đã phối hợp với HTX DV NLN Hải Long liên kết với công ty bao tiêu sản phẩm keo trong sản xuất lâm nghiệp với Công ty TNHH lâm sản Đại Phát... hàng năm sản xuất và bao tiêu luân canh với diện tích 650/859.89 ha keo trên toàn xã với sản lượng hàng năm ước tính trên 30 000 tấn keo nguyên liệu giấy.

* Tổng thu nhập từ ngành nông nghiệp năm 2016 đạt 19,6 tỷ đồng; đến năm 2019 đạt 27 tỷ đồng, ước tính năm 2020 đạt 28.7 tỷ đồng.

* **Công tác chuyển đổi, tích tụ ruộng đất:** Sau khi đổi điền dồn thửa, thực hiện chính sách tích tụ đất đai đến nay trên toàn xã có trên 14.1 ha đất lúa kém hiệu quả được tích tụ - chuyển đổi sang các hình thức sản xuất có hiệu quả. Chủ yếu là chuyển sang trồng cây ngô dày.

*** Nông nghiệp công nghệ cao:**

Sản xuất nông nghiệp có ứng dụng khoa học công nghệ được khuyến khích, tạo điều kiện về nhiều mặt. Cơ bản các diện tích vườn hộ đã và đang được đầu tư hệ thống tưới khoa học, tiết kiệm; sử dụng chế phẩm sinh học; sử dụng giống, vật tư có nguồn gốc, đảm bảo phẩm cấp; Cơ giới hóa sản xuất được đầu tư ứng dụng ở tất cả các khâu từ làm đất – gieo cấy đến thu hoạch, thu hoạch.

Thực hiện Nghị quyết số 02 của Tỉnh về phát triển doanh nghiệp chủ trương của cấp ủy chính quyền vận động nhân dân các hộ có tiềm năng điều kiện tham gia đăng kí thành lập doanh nghiệp và dịch vụ thương mại.

Thực hiện nghị quyết của Đảng các cấp và đặc biệt là nghị quyết chuyên đề của Đảng uỷ và HĐND xã về mục tiêu phát triển phát triển sản xuất để nâng cao thu nhập cho người dân trên cơ sở phù hợp với điều kiện của địa phương đây là vấn đề cốt lõi của công cuộc xây dựng nông thôn mới đi đến bền vững đòi hỏi mỗi cán bộ, Đảng viên và nhân dân trong xã không ngừng phấn đấu trong sản xuất và kinh doanh đạt hiệu quả cao.

Từ những Nghị quyết đúng và phù hợp với ý Đảng lòng dân đã đem lại hiệu quả lớn trong công tác xóa đói giảm nghèo làm giàu cho gia đình và quê hương góp phần trong công cuộc xây dựng nông thôn mới của địa phương. Được đánh giá như sau:

1. Phát triển ngành kinh tế thương mại – dịch vụ - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng:

Tình hình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có những bước phát triển đáng kể, nhân dân đưa máy móc, kỹ thuật vào sản xuất tạo năng suất cao, nâng cao thu nhập, giảm sức lao động thủ công. Đặc biệt các ngành nghề mộc, nghề vận tải, nghề thợ xây dựng, nghề may mặc... Nguồn thu nhập của nhân dân trong lĩnh vực công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp ổn định từ 5-6 triệu đồng/người/tháng.

Cấp ủy, chính quyền xã trong những năm qua không ngừng tạo điều kiện nhằm phát triển đa dạng hóa các ngành nghề và được tập trung vào một số các ngành nghề như dịch vụ, vận tải, cơ khí, may mặc, giày da...

Hàng năm trên địa bàn xã có thêm 1-2 công ty TNHH được thành lập, đến nay toàn xã có 09 doanh nghiệp, 101 hộ cá thể, tiểu thủ công nghiệp đã thu hút hàng trăm lao động tham gia vào các công ty như: Giày da, may túi, và các nghề: mộc, sửa chữa dân dụng, xây dựng, vận tải, dịch vụ khác.....đã tạo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho gia đình và xã hội, chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp giảm hàng năm từ 5-7%, lao động công nghiệp – xây dựng và dịch vụ tăng lên.

Tổng giá trị từ thương mại – dịch vụ - tiểu thủ công nghiệp đạt 56.2 tỷ đồng.

Với định hướng lâu dài về phát triển kinh tế trên lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp, từng bước CNH- HĐH nông nghiệp - nông thôn. Trong những năm qua cấp ủy, Chính quyền, các đoàn thể và mọi tầng lớp nhân dân, tìm kiếm, du nhập ngành nghề mới, nhiều loại hình sản xuất đã được đưa vào địa phương, trong sản xuất, nghề vận tải, nghề xây dựng, nghề cơ khí, dịch vụ thông tin – viễn thông. Các ngành nghề khác như: mộc, cơ khí nhỏ, sửa chữa xe máy, điện lạnh ... phát triển ổn định. Trong hoạt động kinh doanh dịch vụ phát triển mạnh, các hộ gia đình đã đầu tư mở rộng vốn kinh doanh đa dạng các mặt hàng giải quyết nhu cầu tiêu dùng tại chỗ cũng như trao đổi, giao lưu hàng hóa trong vùng. Các doanh nghiệp, HTX DV NLN đã giải quyết nhu cầu tại chỗ trong hoạt động sản xuất của nhân dân trong xã và các xã lân cận, tạo việc làm, thu nhập cho lao động trong xã.

Đồng thời địa phương đã tập trung phát triển dịch vụ đáp ứng cơ bản phục vụ nhu cầu của nhân dân về con giống, vật tư, vận chuyển... Trong sản xuất nông nghiệp nhân dân đã đưa cơ giới hóa vào sản xuất trồng trọt. Đặc biệt các phương tiện vận chuyển đưa vào sử dụng phổ biến, giải phóng được sức lao động thủ công.

2. Phát triển kinh tế hộ và gia trại

Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm nên ban chỉ đạo đã bám sát Nghị quyết của Đảng, chính quyền bằng việc chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu mùa vụ, các loại cây trồng hàng hoá có giá trị kinh tế cao gắn với thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, trên cơ sở đã thực hiện đổi điền dồn thửa tạo ra sức sản xuất lớn, nâng cao hiệu quả. Qua tổng kết đánh giá hàng năm của Hội làm vườn và trang trại thì Giá trị thu được từ kinh tế vườn đạt từ 22,5-31,7triệu đồng/500m²/ năm từ các sản phẩm chủ lực của địa phương như các loại cây ăn quả, các loại cây rau màu, gia vị; các sản phẩm từ chăn nuôi, từ ao cá. Tổng thu nhập từ kinh tế vườn đạt được trên 10 tỉ đồng/năm chiếm 8% tổng giá trị nông nghiệp trên toàn xã. Đối với các hộ có diện tích từ 500m² vườn trở lên thì tổng giá trị sản phẩm nông nghiệp từ

vườn hộ đạt 10 tỉ đồng/năm và thu nhập từ các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa vườn hộ đạt 8.9 triệu đồng/năm chiếm 89%. Trên cơ sở thực trạng hiện có, lợi thế của từng đơn vị, tổ chức đánh giá một cách sát đúng hiệu quả, giá trị kinh tế của từng đối tượng cây trồng, vật nuôi trong phát triển kinh tế vườn hộ, nhu cầu của thị trường và khả năng liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm để từ đó có quy hoạch bố trí các đối tượng cây trồng, vật nuôi thích hợp theo hướng ưu tiên khai thác các tiềm năng, lợi thế của từng hộ, để mở rộng phát triển sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa. Hợp đồng với công ty Minh Đức cung ứng giống các loại cây trồng phù hợp với chất đất, khí hậu của địa phương cũng như có giá trị cao về năng suất, chất lượng hàng hóa. Các hộ gia đình có đất vườn hình thành các nhóm hộ, để cùng có kế hoạch sản xuất một hay nhiều loại sản phẩm từ đó hình thành vùng sản xuất theo hướng hàng hóa để tìm kiếm liên kết với HTXNN trong sản xuất, chế biến đến tiêu thụ tạo ra sản phẩm hàng hóa có thương hiệu.

Về phát triển chăn nuôi: Thường xuyên đưa các loại giống vật nuôi có hiệu quả cao vào sản xuất và tổng đàn không ngừng tăng lên.

Về Nuôi trồng thủy sản: UBND xã đã có những chính sách hợp lý khuyến khích nhân dân không bỏ ruộng hoang. Động viên các hộ nhận đất sản xuất ở những vùng khó khăn, trồng trọt không có hiệu quả để chuyển đổi sang NTTS. Khuyến khích mô hình trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản đạt năng suất và hiệu quả kinh tế cao.

Tổng thu nhập bình quân đầu người hàng năm được nâng lên, năm 2016 thu nhập bình quân đạt 32,0 triệu đồng/người/năm; đến năm 2020 đạt 48 triệu đồng/người/năm.

Tăng cường công tác tuyên truyền ở các tổ chức nông dân ,phụ nữ đối với chủ trương hộ đăng kí sản xuất kinh doanh giỏi, làm giàu chính đáng, đến nay hộ giàu chiếm tỷ lệ 20.9% hộ, khá và trung bình chiếm tỷ lệ 76.25%, hộ nghèo còn 2.85%.

3. Kinh tế Hợp tác xã (HTX).

Năm 2012 trên địa bàn xã Hải Long có 01 HTX mía nguyên liệu Hải Long đến năm 2016 HTX chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã năm 2012 và đổi tên thành HTX Dịch vụ nông lâm nghiệp Hải Long. Hội đồng quản trị có 04 người đều có trình độ Đại học gồm: 01 Chủ tịch (kiêm Giám đốc), 01 kế toán, 01 kiểm soát viên và 01 thủ quỹ và có 236 thành viên đại diện cho 236 hộ gia đình.

Trụ sở HTX tại thôn Hải Hòa, xã Hải Long cách trung tâm xã 300 m, trụ sở làm việc có diện tích 2536 m², cơ sở vật chất đầy đủ phục vụ cho công việc của HTX. Hiện nay HTX chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND xã Hải Long cam kết sẽ bổ sung quy hoạch, hồ sơ giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho HTX theo quy định.

Hiện nay HTX Hoạt động kinh doanh độc lập với nhiều hình thức kinh doanh khác nhau như cung ứng Dịch vụ cung ứng vật tư đầu vào, tiêu thụ nông sản đầu ra cho thành viên HTX; Dịch vụ cơ giới hóa đồng bộ; Dịch vụ vận tải; Dịch vụ chế biến lâm sản; Dịch vụ chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật cho thành viên. Nhân dân yên tâm trong sản xuất tạo thu nhập ổn định đáp ứng cơ bản đời sống của nhân dân. Bên cạnh đó HTX DV NLN tăng cường liên kết, liên doanh với các công ty, doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm hàng hóa cho nhân dân như: cây ngô dày làm thức ăn bò sữa, cây ngô thương phẩm, cây bưởi da xanh bưởi diễm, cây keo... Tổng diện tích gieo trồng hàng năm đạt trên 1000ha, kết quả đạt được từ 3.000-3.500 tấn sản phẩm cây hàng hóa, tổng sản lượng lương thực đạt 1600 tấn trở lên, bình quân 1 ha canh tác đạt từ 200-250 triệu đồng.

Được nhân dân trên địa bàn xã tin tưởng và kí kết hợp đồng dịch vụ đến từng đơn vị và đến từng hộ gia đình trong năm. Hợp tác xã kinh doanh thường xuyên có lãi, đảm bảo đời sống cho các thành viên trong tổ hợp tác và liên tục kể từ khi thành lập. Hàng năm Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp trích thu từ đầu sào để duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng cống, kênh mương và các bờ vùng đáp ứng nhu cầu sản xuất của nhân dân.

Kết quả thực hiện hoạt động các khâu dịch vụ của HTX nông nghiệp:

3.1. Dịch vụ tưới tiêu thủy lợi (dịch vụ công)

- HĐQT HTX Căn cứ vào qui chế hoạt động, chỉ đạo các thôn sắp xếp lại lực lượng bảo nông dẫn nước nên công tác tưới tiêu thủy lợi cơ bản kịp thời trong năm phục vụ tốt cho công tác chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hoá, thâm canh các loại cây trồng từ 3 đến 4 vụ trong năm đạt hiệu quả bình quân 190 triệu đồng/ha canh tác.

- Hàng năm HTX quản lý tưới tiêu cho 28.11 ha đất trồng lúa thuộc công trình thủy lợi Hồ Ngọc Giếng do UBND xã bàn giao quản lý khai thác. Ngoài ra vào năm 2020 HTX còn được bàn giao quản lý khai thác công trình Trạm bơm Hải Xuân có công suất bơm 150m³/giờ để quản lý điều hành và tưới cho cây hàng năm, cây ăn quả với diện tích thực hiện là 70 ha.

- Bằng cấp bù thủy lợi phí thuộc công trình Hồ Ngọc Giếng của Nhà nước hàng năm HTX đã sử dụng nguồn để chi theo hướng dẫn của Quyết định 1323 ngày 22/4/2010, với số tiền là 73 704 000 đồng để chi trả tiền tu sửa cống kênh mương đầu mối, công quản lý, được HTX DV NLN quyết toán với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật ngân sách. Đối với công trình trạm bơm Hải Xuân UBND xã đã và đang đề nghị các cơ quan chức năng phê duyệt và cấp bù thủy lợi phí từ năm 2020 (*chi tiết trong B/c kế toán*).

- Hoạt động dịch vụ diệt chuột bảo vệ mùa màng, thực hiện nghị quyết Đại hội với mức thu đóng góp 3.000đ/sào/vụ, thu 2 vụ phục vụ cả năm HTX DV NLN đã và đang thực hiện khâu này tương đối tốt với cách làm mua thuốc tập trung

phân chia theo diện tích, tập trung bỏ cùng một thời điểm trên địa bàn toàn hợp tác xã phần nào đã hạn chế rất nhiều nạn chuột phá hoại mùa màng.

3.2. Dịch vụ chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật cho thành viên.

Trong năm 2019-2020 HTX DV NLN đã phối hợp với trung tâm học tập công đồng, hội nông dân và các tổ chức đoàn thể, liên kết với các đối tác tổ chức chuyển giao 6 lớp cho 530 lượt người tham gia gồm các nội dung như quy trình sản xuất hữu cơ an toàn đối với rau, củ, quả, quy trình kỹ thuật cấy lúa hàng dày hàng thưa sử dụng phân hữu cơ kết hợp sử dụng phân viên nén dúi sâu; Kỹ thuật trồng, chăm sóc, BVTV, thu hoạch và bảo quả đối với bưởi da xanh, bưởi diễm; Kỹ thuật trồng, chăm sóc, BVTV thu hoạch cây keo theo hướng làm nguyên liệu cho các nhà máy và theo hướng rừng gỗ lớn; Kỹ thuật trồng cây ngô dày làm thức ăn bò sữa... Tổ chức cho cán bộ chủ chốt HTX DV NLN và các thành viên đi học tập kinh nghiệm tại xã Đông Văn, huyện Đông Sơn, tại xã Ngọc Phụng, huyện Thường Xuân, kinh phí do HTX và nguồn từ xã hội hóa. Từ kết quả chuyển giao, học tập trên đã phục tốt cho cán bộ thành viên, nhân dân nhận thức tốt về vai trò của HTX DV NLN, tổ chức kinh tế tập thể, ứng dụng tốt các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh góp phần thực hiện chương trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng, mùa vụ của xã, đồng thời nâng cao giá trị thu nhập cho xã hội.

Hàng vụ Ban giám đốc HTX DV NLN điều hành bộ phận kỹ thuật HTX thường xuyên kiểm tra đồng ruộng làm tốt công tác dự tính dự báo cho các thôn, các hộ thành viên thực hiện tốt quy trình thâm canh nên năng xuất các loại cây trồng đều cho thu hoạch khá không có dịch hại xảy ra nhân dân tin tưởng tích cực hăng hái sản xuất.

3.3. Dịch vụ cung ứng vật tư đầu vào (dịch vụ cạnh tranh)

Năm 2020 (cả năm): bằng các hợp đồng liên doanh, Liên kết, với các doanh nghiệp, trên cơ sở kế hoạch sản xuất, lịch thời vụ HTX DV NLN. Đã cung ứng về hàng trăm tấn vật tư hàng hoá các loại cụ thể như sau:

- Giống lúa các loại	= 4.80 tấn
- Giống ngô	= 1.05 tấn
- Phân đạm Ure	= 45 tấn
- N.P.K các loại	= 203 tấn
- Phân vi sinh hữu cơ	= 90 tấn
- Ka ly	= 15 tấn
- Thuốc bảo vệ thực vật	= 100 triệu đồng

* Tổng giá trị cung ứng vật tư đầu vào trong năm là 1.9 tỷ đồng

Trong năm HTX DV NLN đã phục vụ tốt các khâu đầu vào cho sản xuất nông nghiệp đáp ứng được sản xuất hàng hoá theo đúng hợp đồng đã ký kết, vật tư

cung ứng về bảo đảm chất lượng, kịp thời cho thành viên, nông dân sản xuất và chăm bón các loại cây trồng.

3.4. Dịch vụ tiêu thụ sản phẩm nông sản (đầu ra) cho thành viên HTX.

- Thực hiện chương trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hoá, HTX DV NLN đã tích cực tìm kiếm thị trường tham mưu cho cấp ủy, chính quyền và các thôn lựa chọn để vận động nhân dân tham gia sản xuất, thông qua các hợp đồng liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm nông, lâm sản cho thành viên, năm 2019 HTX ký hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ các loại sản phẩm nông sản với các doanh nghiệp như ngô thức ăn cho bò, dê; keo nguyên liệu...

- Từ chương trình liên kết sản xuất thông qua hợp đồng đã tạo nếp và ý thức trong từng mùa vụ đối với từng loại cây trồng HTX, thực hiện tổ chức các khâu liên quan đến từng chu kỳ phát triển của cây trồng, các hộ thành viên chấp hành và thực hiện tốt các khâu công việc từ sản xuất đến trách nhiệm tiêu thụ sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn nông sản thực phẩm, góp phần cùng chính quyền địa phương hoàn thành mục tiêu xã đạt an toàn vệ sinh thực phẩm 2019.

- Thông qua hợp đồng tiêu thụ hàng hoá nông sản tiết kiệm chi phí tương đương 450 triệu đồng.

3.5. Dịch vụ làm đất và thu hoạch.

- Trên cơ sở nguồn nhân lực, vật lực hiện có tại địa phương, HDQT-HTX đã bàn bạc thống nhất, cơ chế, định mức, để tổ chức hội nghị thợ làm đất, thông qua các ông bà trưởng thôn ký kết hợp đồng với thợ máy, đảm bảo kỹ thuật, thời vụ, giá cả hợp lý (từ 100.000 đồng-150.000 đồng đối với máy cày lớn bảo đảm để thành viên cày trồng hết diện tích trong khung thời vụ)

- Về dịch vụ thu hoạch, thực hiện chủ trương đưa công nghiệp vào trong sản xuất nông nghiệp, trong xã có 02 máy gặt của các thành viên và HTX DV NLN (đến vụ đại trà HTX đã hợp đồng thêm máy gặt với các chủ máy ở địa phương khác đảm bảo thu hoạch đúng tiến độ, không để lúa tồn, lúa chín ngoài đồng), 16 máy cày lớn nhỏ HTX đã điều hành, phân chia vùng, diện tích hợp lý cho các chủ máy, thống nhất mức thu để chủ máy và hộ thành viên thực hiện, tuy nhiên những vụ gần đây khi vào mùa thu hoạch máy gặt các nơi du nhập về nhiều nên thị trường thu hoạch đã có tính cạnh tranh đã có lợi cho nhân dân trong toàn HTX DV NLN.

Riêng máy của HTX DV NLN đã tổ chức thực hiện gặt máy cho nhân dân trong 2 vụ kết quả gặt được là: 600 sào với đơn giá quy định của HTX DV NLN (170.000đồng/sào trong cùng thời điểm máy tư nhân thu 190.000đ/sào) đã trích khấu hao, trừ chi phí còn lại 7,5 triệu đồng; phần nào giảm sức lao động, đồng thời giải quyết về thời vụ cho thành viên.

3.6. Dịch vụ chế biến lâm sản.

HTX thu mua và chế biến lâm sản, sản phẩm chủ yếu trong chế biến lâm sản của HTX là keo nguyên liệu chế biến thành nan thanh, pallet, sản phẩm phụ từ chế biến như mùn cưa tận dụng làm nguyên liệu sản phẩm nấm dược liệu, sản phẩm tận dụng khác như dầu thừa, bìa tận làm nguyên liệu băm dăm và đốt than bán ra thị trường...

Giá trị thu nhập trước thuế từ chế biến lâm sản hàng năm đạt 14,8 tỉ đồng.

3.7. Dịch vụ vận tải.

Hiện nay HTX 09 thành viên có 09 xe tải tham gia vận tải hàng hóa, chủ yếu phục vụ vận chuyển keo nguyên liệu từ các vùng về cơ sở chế biến của HTX. Hàng năm đã vận chuyển trên 50 000 tấn keo.

Giá trị trong dịch vụ vận chuyển hàng năm đạt 5 tỷ đồng.

3.8. Nhiệm vụ xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm tài sản (xây dựng cơ bản)

- Từ sau đại hội nhiệm kỳ bằng nguồn vốn tiết kiệm trong các khâu dịch vụ HTX đã chăm lo đầu tư cơ sở vật chất như mua sắm các thiết bị phục vụ làm việc như máy tính, giá trưng bày sản phẩm tại quầy bán hàng.

- Xây mới tu sửa, xây mới nhiều tuyến mương phụ trách.

Tổng số tiền mà HTX DV NLN đầu tư trong năm 2019 là 300 triệu đồng.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN LIÊN KẾT SẢN XUẤT TIÊU THỤ SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

1. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HTX DV NLN:

Thực hiện luật HTX 2012, điều lệ HTX DV NLN Hải Long, Nghị quyết Đại hội thành viên HTX DV NLN nhiệm kỳ 2016-2020. Phát huy truyền thống HTX DV NLN xã Hải Long liên tục dẫn đầu về phát triển kinh tế tập thể đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ hỗ trợ hộ thành viên phát triển sản xuất tăng thu nhập.

Những năm qua phát huy tiềm năng, lợi thế của xã nông nghiệp, thực hiện chủ trương của Đảng nhà nước về kinh tế thị trường, HTX DV NLN Hải Long đã khẳng định vị thế của mình đối với vai trò bà đỡ cho kinh tế hộ phát triển.

Hội đồng quản trị HTX DV NLN chủ động tìm kiếm thị trường, thông tin kết nối tham mưu cho cấp ủy chính quyền về chuyển dịch cơ cấu cây trồng, sản xuất theo nhu cầu thị trường, trên cơ sở tiềm năng đất đai, điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng trình độ thâm canh, ứng dụng các tiến bộ KHKT vào sản xuất.

Bàn bạc với các thôn, các hộ về quy mô sản xuất các loại cây trồng, mùa vụ điều kiện sản xuất, giá cả sản phẩm để thực hiện quy hoạch. Chú trọng sản xuất cây lâm nghiệp cụ thể là cây keo là cây chủ lực của địa phương.

Tổ chức tập huấn cho các hộ tham gia sản xuất trong vùng quy hoạch ứng dụng các tiến bộ khoa học đối với từng loại sản phẩm.

Ký hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đến hộ tham gia (kể cả đầu vào và đầu ra sản phẩm)

Tổ chức ký hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân giữa HTX DV NLN với các Công Ty, Doanh Nghiệp. *(có hợp đồng kèm theo)*

Tổ chức ký hợp đồng với các doanh nghiệp cung ứng vật tư giống phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

** Tổ chức sản xuất theo chuỗi:*

HTX đảm nhiệm các khâu dịch vụ phục vụ sản xuất như:

- Thu mua, vận chuyển, chế biến lâm sản.
- Thu mua, cung ứng lâm sản trên địa bàn xã cho các công ty trên địa bàn huyện.

- Dịch vụ vận tải: Chủ yếu vận chuyển sản phẩm keo nguyên liệu phục vụ chế biến của HTX và các ông ty trên địa bàn huyện.

- Tham mưu các thôn quy hoạch đồng ruộng (thành khu sản xuất tập trung)
- Phối hợp cùng với các thôn tổ chức sản xuất
- Cung cấp vật tư giống, phân bón TBVTB (sau khi đã được tập huấn kỹ thuật)

- Dịch vụ làm đất bằng cơ giới đồng bộ.

- Dịch vụ tưới tiêu, bảo vệ thực vật (phối hợp với trưởng thôn)

- Hướng dẫn quy trình thâm canh cây trồng.

- Hướng dẫn thu hoạch và giao nộp sản phẩm cho doanh nghiệp và HTX.

- Thanh lý hợp đồng và thanh toán cho người sản xuất.

Trong qua trình thực hiện các hợp đồng sản xuất với chức năng quản lý nhà nước, UBND xã luân cử cán bộ phụ trách kiểm tra, đôn đốc các bên thực hiện nghiêm túc các điều khoản trong hợp đồng.

Doanh nghiệp phối hợp với hợp tác xã hướng dẫn nông dân sản xuất theo quy trình kỹ thuật đã được tập huấn.

HTX DV NLN thực hiện tốt các khâu dịch vụ phục vụ sản xuất như: làm đất cung ứng vật tư, tưới tiêu, bảo vệ thực vật, bảo quản sản phẩm, cam kết cùng với doanh nghiệp thu mua hết sản phẩm đủ tiêu chuẩn cho nông dân theo hợp đồng không có tình trạng sản phẩm dư thừa sau thu hoạch.

Nhận thức đầy đủ khi tham gia chuỗi liên kết sản xuất sau khi có các hợp đồng, hăng hái thi đua lao động sản xuất, đạt năng xuất cao chất lượng sản phẩm tốt, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, giao bán đầy đủ sản phẩm cho doanh nghiệp và HTX.

** Kết quả thực hiện liên kết sản xuất năm 2020:*

- Hợp đồng sản xuất ngô làm thức ăn cho bò dê 2 vụ/năm= 110ha, sản lượng = 1.870 tấn

- Hợp đồng sản xuất cây keo nguyên liệu 01 chu kỳ 5 năm = 350 ha, sản lượng = 38.500 tấn. HTX đang tiếp tục hợp đồng sản xuất cây keo chu kỳ tiếp theo.

- Dịch vụ vận tải đạt 50.000 tấn.

- Hợp đồng cung ứng vật tư nông nghiệp thông qua HTX:

+ Giống lúa các loại = 4.80 tấn

+ Giống ngô = 1.05 tấn

+ Phân đạm Ure = 45 tấn

+ N.P.K các loại = 203 tấn

+ Phân vi sinh hữu cơ = 90 tấn

+ Ka ly = 15 tấn

+ Thuốc bảo vệ thực vật = 100 triệu đồng

** Những thuận lợi khi tham gia chuỗi liên kết:*

- Thông qua việc thực hiện hợp đồng các bên đều đạt được mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình. Nếu trường hợp sản xuất gặp rủi ro bất khả kháng Nhà nước, doanh nghiệp và HTX cùng chia sẻ với nông dân (thông qua cơ chế chính sách hỗ trợ) trong quá trình thực hiện hợp đồng chưa xảy ra tranh chấp hoặc phá vỡ hợp đồng.

- Nhà nước quản lý được thị trường, sản phẩm hàng hóa có xuất xứ nguồn gốc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng.

- Người sản xuất có lãi yên tâm trong quá trình sản xuất vì có HTX, doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm, tạo việc làm tăng thu nhập hạn chế bỏ ruộng hoang.

** Những hạn chế trong quá trình thực hiện hợp đồng:*

- Sau khi đổi điền dồn thửa một số hộ có ruộng nhưng không có lao động tham gia vào vùng quy hoạch, hợp đồng sản xuất, một số ít nhận thức chưa đầy đủ trong giao bán sản phẩm.

- HTX DV NLN chỉ thực hiện được 1 số khâu trong chuỗi giá trị nên giá trị hàng hóa nông sản không cao.

- Thực hiện hợp đồng có những điều các bên thực hiện chưa đúng như: quy cách, mẫu mã, giá cả, thời gian thanh toán...

2. Kết quả thực hiện vùng liên kết sản xuất trồng trọt tập trung

2.1. Kết quả sản xuất cây keo nguyên liệu – Cây chủ lực của địa phương:

Được sản xuất trên đất lâm nghiệp (Đất rừng trồng sản xuất) hầu hết ở các thôn trong toàn xã, diện tích lớn tập trung ở các thôn: Vĩnh Lợi, Hải Hòa, Hải Xuân, Đồng Xuân, Đồng Lớn và Tân Long. Với diện tích 650 ha. Tổng sản phẩm

cho 1 chu kỳ cây keo (5 năm) trên 70 000 tấn. giá trị thu nhập đạt trên 70 tỷ đồng trong 5 năm (1 chu kỳ).

2.2. Kết quả sản xuất cây hàng hóa tập trung:

** Vùng sản xuất ngô làm thức ăn bò, dê:*

Được quy hoạch ở 06 thôn gồm: Thôn Hải Hòa, Hải Thanh, Hải Xuân, Hải Tân, Đồng Lớn và thôn Đồng Hải, với tổng diện tích từ 60-66 ha tại các khu vực đất vệ, đất lúa màu và từ đất trước đây trồng mía, với tổng sản phẩm hàng năm (3 vụ) đạt 6420 tấn sản phẩm, giá trị thu nhập đạt từ 6,1 – 6,3 tỷ đồng.

** Vùng sản xuất ngô thương phẩm:*

Được quy hoạch chủ yếu tại 03 thôn cụ thể: Trên đất màu của các thôn Tân Long, Đồng Lớn và Hải Hòa. Với tổng diện tích từ 25 – 26ha tại các khu vực đất chuyên màu, với tổng sản phẩm hàng năm (3 vụ) đạt trên 280 tấn sản phẩm hàng hóa, giá trị thu nhập đạt trên 1,5 tỷ đồng.

** Vùng sản xuất bưởi da xanh, bưởi diễm:*

Được sản xuất chủ yếu ở 03 thôn cụ thể: Trên đất vườn hộ, đất màu của các thôn: Hải Tân, Hải Thanh, Hải Hòa... Với tổng diện tích 15 ha. Tổng sản phẩm hàng năm đạt trên 1.000 tấn sản phẩm; giá trị thu nhập đạt trên 4 tỷ đồng/năm.

2.3. Vùng sản xuất lúa thương phẩm:

Chủ yếu được gieo trồng trên đất 2 lúa. Được sản xuất ở 07 thôn trên địa bàn xã với tổng diện tích 67ha tại các khu vực của các thôn: Vĩnh Lợi (28.11ha), thôn Hải Hòa (4.55ha), thôn Hải Thanh (4.75ha), thôn Hải Tân (3.11 ha), thôn Đồng Xuân (10.2 ha), thôn Đồng Lớn (14.78ha) và thôn Tân Long (1.5ha). Các khu vực này (đã trừ các diện tích đất lúa kém hiệu quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng sng cây trồng khác và trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản) sản xuất lúa nhằm góp phần ổn định đời sống của người dân địa phương. Tổng sản lượng hàng năm (2 vụ) đạt từ 720-780 tấn thóc. giá trị thu nhập đạt từ 5,76 – 6,24 tỷ đồng.

3. Kết quả thực hiện chăn nuôi:

Trên địa bàn xã chủ yếu là hộ chăn nuôi nhỏ lẻ có 151 gia trại, hộ chăn nuôi, trong đó có: 02 gia trại chăn nuôi gà với quy mô nhỏ (01 hộ 3500 con và 01 hộ nuôi 1500 con) còn lại chủ yếu là chăn nuôi từ 10 con đến dưới 500 con, tổng đàn gia cầm tại một thời điểm trên 12000 con; các hộ chăn nuôi các loại gia súc là lợn từ 02 con đến dưới 30 con/hộ, tổng đàn lợn tại thời điểm trên 500 con; trâu bò từ 1 con đến 10 con/hộ, tổng đàn trâu bò tại thời điểm gần 400 con. Giá trị thu nhập đạt 8-9 tỷ đồng.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU VÀ CÁC GIẢI PHÁP

1. Phương hướng:

- Tiếp tục tuyên truyền cho cán bộ thành viên HTX nhận thức đầy đủ về Luật HTX 2012, các chủ trương của Đảng và chính phủ về phát triển kinh tế tập

thể đối với HTX DV NLN, nghị quyết đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ(2015-2020) các Nghị định của chính phủ và các ban ngành cấp trên, Nghị Quyết số 16 của BCH tỉnh Đảng Bộ, QĐ 5643 ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh về chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp đặc biệt là nghị quyết đại hội Đảng bộ xã nhà lần thứ 23.

- HTX DV NLN tiếp tục thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu thành viên nhiệm kỳ (2016-2020) phát huy những kết quả đạt được trong tổ chức sản xuất, quản lý điều hành các khâu dịch vụ mà HTX DV NLN đảm nhiệm, khắc phục những tồn tại hạn chế trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp đó là biến đổi khí hậu, hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

- HTX DV NLN thực hiện ký cam kết thi đua với các ngành đoàn thể trong hệ thống chính trị, toàn xã quyết tâm hoàn thành các tiêu chí xây dựng NTM nâng cao năm 2020.

2. Mục tiêu thực hiện:

- Diện tích gieo trồng trong năm = 964 ha đạt 2,6 lần
- Bình quân 1ha canh tác đạt 200 triệu đồng/ha canh tác/năm.
- Cung ứng vật tư đầu vào 400 tấn trở lên giá trị 2,5 tỷ đồng trở lên.
- Tiêu thụ nông sản từ 4.000 tấn sản phẩm trở lên.
- Thu nhập bình quân 4,3 triệu đồng/người/tháng (cán bộ chuyên trách HTX)
- Nâng cao vai trò hoạt động của HTX đối với 5 khâu dịch vụ hỗ trợ cho thành viên, tích cực tham gia công tác xã hội ở địa phương
- Tăng trưởng lợi nhuận từ 15% trở lên.

3. Các giải pháp cụ thể:

3.1. Về công tác tổ chức cán bộ.

Ổn định tổ chức bộ máy theo Đề án của đại hội nhiệm kỳ (2016-2020) cũng cố sắp xếp các tổ dịch vụ *đặc biệt là bộ phận phát triển thị trường, bộ phận kế hoạch, quản lý, điều hành chuyên môn giúp việc, tổ cơ khí thủy lợi, tổ cơ giới hoá đồng bộ, tổ dịch vụ sản xuất nông sản phục vụ cho cửa hàng theo chuỗi giá trị thông qua các hợp đồng liên kết sản xuất.*

3.2. Dịch vụ tưới tiêu thủy lợi nội đồng.

* Tiếp tục phối hợp với chi nhánh công ty thủy nông Như Thanh bảo đảm công tác tưới tiêu thủy lợi trong năm

* Quản lý, sử dụng, chi đúng, chi đủ theo hướng dẫn của Quyết định 1323 ngày 22/4/2010 nguồn cấp bù thủy lợi phí thuộc công trình Hồ Ngọc Giếng, quyết toán với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật ngân sách. Tiếp tục đề

ngợi các cơ quan chức năng phê duyệt và cấp bù thủy thủy lợi phí từ năm 2020 đối với công trình trạm bơm Hải Xuân.

* Quản lý và phát huy có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có như hệ thống kênh xây kiên cố trên 11.8 km kênh xây phục vụ cho tưới tiêu chủ động.

Đảm bảo phục vụ tưới tiêu chủ động trong 3 vụ sản xuất trong năm = 964 ha và 4,94 ha diện tích ao hồ phục vụ nuôi trồng thủy sản.

* HTX DV NLN phối hợp với các thôn tăng cường quản lý bảo vệ và sử dụng có hiệu quả hệ thống kênh mương kiên cố, chỉ đạo các thôn nạo vét kênh tuyến 2 và tuyến 3 để phục vụ tốt cho chương trình chuyển dịch cây trồng theo hướng sản xuất hàng hoá.

3.3. Cung ứng vật tư đầu vào, tiêu thụ sản phẩm nông sản đầu ra.

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất của ngành trồng trọt, các chỉ tiêu về diện tích đối với các loại cây trồng trong năm, ban giám đốc xây dựng, kế hoạch, mục tiêu cung ứng vật tư hàng hoá thông qua hợp đồng với các doanh nghiệp có thương hiệu và uy tín, bảo đảm đủ số lượng và chất lượng, kịp thời vụ gồm giống cây trồng các loại, vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật đáp ứng nhu cầu của các hộ thành viên đồng thời phải cạnh tranh chất lượng và giá bán thị trường.

**** Tiêu thụ sản phẩm hàng hoá:***

Tích cực tìm kiếm, du nhập các loại cây trồng mới, sản phẩm mới, thông qua hợp đồng với các doanh nghiệp sản xuất phải gắn với tiêu thụ sản phẩm cho thành viên trên cơ sở giá trị sản phẩm được hợp đồng thỏa thuận với các thôn và các hộ tham gia sản xuất. Tổ chức và thực hiện tốt chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương góp phần nâng cao giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích cho hộ thành viên.

3.4. Chuyển giao các tiến bộ KHKT và chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

Tích cực tìm kiếm thị trường du nhập các loại cây trồng mới có giá trị kinh tế cao vào sản xuất, ứng dụng các tiến bộ mới trong sản xuất. Tổ chức cho cán bộ và một số thành viên đi tham quan học tập các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản phẩm hàng hoá nông sản cho giá trị thu nhập cao trên đơn vị diện tích. Tiếp tục tham gia và hoàn thành dự án cạnh tranh nông nghiệp, tham gia vào dự án sản xuất rau an toàn của tỉnh, của huyện.

Tích cực phối hợp với trung tâm học tập cộng đồng, các cơ quan chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật cho thành viên và nông dân.

3.5. Dịch vụ thu hoạch cà bừa và giải phóng đất cho thành viên.

Trên cơ sở vật tư máy móc của HTX và các hộ thành viên HTX phối hợp với các thôn tổ chức, điều hành lao động, máy móc thông qua hợp đồng, nhưng phải bảo đảm các yêu cầu, kỹ thuật, thời vụ, giá cả phải được cạnh tranh.

Kết quả thực hiện phải được hoạch toán cụ thể yêu cầu phải gắn dịch vụ với kinh doanh mang lại lợi ích cho thành viên và HTX.

3.6. Dịch vụ chế biến lâm sản.

Trên cơ sở thiết bị máy móc hiện có của HTX hàng năm tu sửa thay thế máy móc hư hỏng, củng cố lực lượng lao động trực tiếp, nâng cao hiệu quả sản xuất, tìm kiếm mở rộng thêm thị trường. Mục tiêu mở thêm 01 xưởng chế biến tại xã Phượng Nghi, Như Thanh với quy mô 1000 m², với 20 lao động, sản phẩm chế biến hàng năm từ 20.000-30.000 m².

3.7. Dịch vụ vận tải.

Trên cơ sở số lượng xe hiện có, HTX thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa thay thế các phụ tùng hư hỏng và mua mới 6 đầu xe tải phục vụ cho 2 cơ sở chế biến và phục vụ vận chuyển keo nguyên liệu cho các công ty đã hợp đồng liên kết.

3.8. Công tác đầu tư xây dựng cơ sở vật chất

Tu sửa hệ thống kênh mương thuỷ lợi (hàng năm kiểm tra phát hiện và xử lý, tu sửa hoặc xây mới lại hệ thống kênh mương tưới đảm bảo công tác tưới chủ động).

3.9. Công tác thi đua khen thưởng

* Chỉ tiêu thi đua gồm các tiêu chí sau :

- Hoàn thành kế hoạch Nhà Nước về diện tích sản xuất trong năm, tích cực tham gia Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao thực hiện tốt chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế có nhiều cánh đồng mẫu lớn, ứng dụng nhanh các tiến bộ KHKT, chương trình sản xuất hữu cơ, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap chương trình cơ giới hóa đồng bộ vào sản xuất, có nhiều hộ thành viên SX, kinh doanh giỏi, giảm hộ nghèo.

- Quy hoạch vùng sản xuất hàng hoá tập trung, đồng thời chấp hành và thực hiện nghiêm các hợp đồng sản xuất có nhiều sản phẩm hàng hoá bán theo hợp đồng liên doanh, liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với vệ sinh an toàn thực phẩm bảo vệ sức khoẻ cộng đồng và chất lượng hàng hoá nông sản, giá trị thu nhập cao trên đơn vị diện tích.

* Đơn vị hoàn thành 3 tiêu chí trên được dự thưởng mức từ 2 triệu đồng trở lên

* Cán bộ và thành viên có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua xây dựng, phát triển HTX cũng được dự thưởng vào cuối nhiệm kỳ dự thưởng mức 500 ngàn đồng.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT:

Tuy đã đạt được những kết quả trong phát triển kinh tế đáng phấn khởi xong vẫn chưa phát huy hết được tiềm năng sẵn có ở địa phương. Vì vậy UBND xã kính đề nghị Nhà nước có chính sách xây dựng cơ sở hạ tầng, nơi làm việc cũng như hệ

thông thủy lợi để phục cho sản xuất theo hướng công nghiệp, chất lượng hiệu quả, tạo cơ chế và kêu gọi các doanh nghiệp, các nhà đầu tư vào kinh doanh và sản xuất ở địa phương để tạo việc làm cho nhân dân. Đây là cơ sở để bảo vệ và xây dựng nông thôn mới một cách bền vững.

Trên đây là nội dung báo cáo đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí số 8- Tổ chức sản xuất. UBND xã Hải Long báo cáo Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa; Sở Nông nghiệp và PTNT; Ban chỉ đạo chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới huyện Như Thanh; UBND huyện Như Thanh thẩm tra, thẩm định về việc UBND xã Hải Long đã hoàn thành và đạt chuẩn Tiêu chí NTM nâng cao về Tiêu chí số 8 địa bàn xã./.

Nơi nhận:

- VP ĐP NTM tỉnh;
- Sở NN& PTNT;
- UBND huyện Như Thanh;
- Phòng NN&PTNT;
- BCĐ XD NTM xã;
- Lưu VP- UBND;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Vi Trung Thân

**XÁC NHẬN HTX DV NLN HẢI LONG
GIÁM ĐỐC**

Lô Văn Bộ